

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 7
TỈNH QUẢNG TRỊ
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: 72/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Trị, ngày 06 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 100/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn H, xã B, tỉnh Quảng Trị; Số CCCD: 045183008386.

- *Bị đơn*: Anh Phan Văn C, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn H, xã B, tỉnh Quảng Trị; Số CCCD: 045081006092.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng C1 (CSXH). Địa chỉ trụ sở chính: Số A, phố L, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T1 – Tổng giám đốc Ngân hàng C1.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Ngô Văn B, chức vụ: Giám đốc Phòng G, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 37, 55, 57, 60, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn C

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn C thuận tình ly hôn (theo bản sao trích lục Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2005 ngày 17/10/2005 tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị (cũ), nay là UBND xã B, tỉnh Quảng Trị).

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là cháu Phan Nguyễn Minh Q, sinh ngày 03/10/2017 và cháu Phan Nguyễn Minh P, sinh ngày 20/8/2020. Anh Phan Văn C cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000đồng/tháng/cháu, kể từ tháng 05/2026 đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về khoản nợ chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn C còn nợ Ngân hàng C1 - Phòng giao dịch Ngân hàng G, tỉnh Quảng Trị tính đến ngày 28/4/2026 là 68.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi tám triệu đồng*), theo sổ vay vốn đứng tên Nguyễn Thị T có mã khách hàng 7064060131, cụ thể: Ngày 26/4/2024 giải ngân 20.000.000 đồng; mã món vay: 6600000728343444 và ngày 19/4/2026 giải ngân 50.000.000đồng; Mã món vay: 6600000733634782. Các đương sự thỏa thuận như sau:

Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả nợ số tiền vay theo sổ vay vốn đứng tên Nguyễn Thị T, có mã khách hàng 7064060131. Số tiền dư nợ gốc đến ngày 28/4/2026 là 68.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi tám triệu đồng*) đã được ký kết giữa Chị Nguyễn Thị T và Phòng G, tỉnh Quảng Trị.

Kể từ ngày 29/4/2026, Chị Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

.- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T thỏa thuận chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E, số: 0001751 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 1.700.000 đồng (*Một triệu bảy trăm nghìn*

đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Khe Sanh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

THẨM PHÁN

Lê Minh Thành